TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DSPT
Ngày: 27/6/2022
V/v "tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Tuấn Anh.
- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Ông Võ Công Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa*.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc D; cư trú tại: Xóm y, thôn x, xã Bình N, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Kh; cư trú tại: Số 107 đường Trường T, khu vực H, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn H1 – Đoàn luật sư Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: Đội 10, khu vực Hoà N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Nguyễn Văn Tư; cư trú: Thôn Thuận S, xã Tây T huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Ngọc C; cư trú tại: Tổ 9, khu vực Liêm T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Ông Bùi Phúc Ch

5. Bà Mai Thị Kim Tr

Cùng cư trú tại: Số 132 đường Thanh N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Bà Cù Thị H2; cư trú tại: Số 109 đường Trường T, khu vực 6 Hoà N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

7. Bà Đào Thị N; cư trú tại: Số 107 đường Trường T, khu vực 6 Hoà N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

8. Anh Nguyễn Quốc H3

9. Anh Nguyễn Quốc Ph

Cùng cư trú tại: Đội 7, khu vực Hoà N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Ngọc Kh - Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày:

Cha mẹ ông là Nguyễn Ngọc M (chết ngày 04/7/2003), Hồ Thị B (chết ngày 20/12/2002) có 05 con chung: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc Kh (H5) và Nguyễn Ngọc D. Cha mẹ không có con nuôi, con riêng. Ông bà nội, ngoại đều chết trước cha mẹ. Cha mẹ chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 3, diện tích 484 m^2 tại khu vực Hòa N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định là của ông bà ngoại để lại cho cha mẹ.

Năm 1987, cha mẹ viết giấy tay chuyển nhượng cho bà Cù Thị H2 110 m^2 đất vườn phía Nam thửa đất, hiện bà H2 đã xây nhà ở trên phần đất này.

Năm 1995, cha mẹ xây ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 706. Ngôi nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi xây đến nay. Năm 2004, sau khi cha mẹ chết, ông Nguyễn Ngọc Kh chuyển qua nhà cha mẹ ở vì nhà ông Kh bị sập. Qúa trình ở, gia đình ông Kh có thay nền gạch nhà bếp.

Năm 2005, ông Nguyễn Ngọc C và ông Kh chuyển nhượng 123 m^2 đất vườn phía Bắc thửa đất cho vợ chồng ông bà Bùi Phúc Ch, Mai Thị Kim Tr lấy tiền trả nợ cho cha mẹ.

Năm 2017, nhà nước thu hồi một phần đất để mở rộng đường giao thông, diện tích thu hồi bao nhiêu không rõ, tiền đền bù 74.000.000 đồng do ông Kh nhận.

Ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ là ngôi nhà hiện gia đình ông Kh đang ở gắn liền với diện tích đất còn lại sau khi trừ diện tích đã chuyển nhượng, diện tích bị nhà nước thu hồi và chia thừa kế đối với số tiền đền bù 74.000.000 đồng mà ông Kh đang quản lý. Phần thừa kế ông được chia, ông

tự nguyện cho hai cháu Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Quốc H3 (con của ông Nguyễn Văn T) vì khi cháu H3 mới được vài tháng tuổi, cháu Ph được 03 tuổi thì mẹ hai cháu đã bỏ đi còn cha cưới vợ khác, hai cháu do ông bà nội nuôi dưỡng, hiện hai cháu đã có gia đình nhưng không có chỗ ở.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Kh trình bày:

Cha ông là Nguyễn Ngọc M (chết ngày 04/7/2002), mẹ là Hồ Thị B (chết ngày 16/12/2001). Cha mẹ có 05 con chung gồm: Nguyễn Thị H; Nguyễn Ngọc Th (cha mẹ đặt tên Nguyễn Ngọc Th, sau này ông Th có vợ tự đổi tên là Nguyễn Ngọc T); Nguyễn Ngọc C; Nguyễn Ngọc Kh và Nguyễn Ngọc D. Cha mẹ không có con nuôi, con riêng.

Thửa đất số 706, tờ bản đồ số 3, diện tích 484 m^2 (200 m^2 đất ở và 284 m^2 đất vườn) thuộc khu vực Hòa N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định do ông bà ngoại để lại cho cha mẹ. Năm 1993, cha mẹ đã cho ông thửa đất này, được nhà nước cấp GCNQSDĐ. Năm 1997, ông Nguyễn Ngọc Th (Nguyễn Văn T) giả chữ ký của ông để bán một phần đất phía Nam chiều rộng 06 m cho bà Cù Thị H2, tiền bán đất ông Th giữ. Hiện bà H2 đã xây nhà trên phần đất này. Năm 1997, cha mẹ xây ngôi nhà cấp 4 trên thửa 706, nguồn tiền xây nhà của cha mẹ. Ngôi nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi xây đến nay. Sau khi cha mẹ chết, vợ chồng ông (vợ ông là bà Đào Thị N) ở ngôi nhà này, thay nền gạch bông, mái ngói. Thời điểm cha mẹ còn sống, bà Nguyễn Thị H gởi cho cha mẹ 2,4 cây vàng. Khi bà H đòi vàng, ông Nguyễn Ngọc C buộc ông chuyển nhượng một phần của thửa đất ở phía Bắc cho anh Bùi Phúc Ch được 50.000.000 đồng. Số tiền này do ông C nhận trả cho bà H 21.030.000 đồng còn lại ông C giữ. Năm 2016, Nhà nước thu hồi một phần đất để mở rộng đường giao thông, diện tích thu hồi 52 m^2, tiền đền bù 1.200.000đ/m^2 do ông nhận. Nay ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ, ông không đồng ý vì thời điểm cha mẹ còn sống đã cho ông thửa đất và ông đã được cấp GCNQSDĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thống nhất như lời trình bày và ý kiến của bị đơn Nguyễn Ngọc Kh. Nếu Tòa chia thừa kế, phần bà được chia bà cho ông Nguyễn Ngọc Kh.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D. Phần thừa kế chia cho ông, ông cho hai con là Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Quốc H.

- Ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D về mối quan hệ gia đình và di sản cha mẹ để lại là nhà, đất tại khu vực Hòa N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cha mẹ lúc còn sống đã chuyển nhượng cho

bà Cù Thị H2 một phần đất phía Nam. Năm 2005, ông cùng Nguyễn Ngọc Kh bán 123 m^2 đất phía Bắc cho vợ chồng anh Bùi Phúc Ch được 45.000.000 đồng. Nguyễn Ngọc Kh nhận 5.000.000 đồng để chuộc sổ đỏ đang thế chấp; 28.000.000 đồng mua 2,4 cây vàng trả nợ cho bà Nguyễn Thị H. Số tiền còn lại dùng vào việc xây mộ cho cha mẹ. Ông yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ, phần ông được chia ông cho hai cháu Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Quốc H.

- Vợ chồng ông Bùi Phúc Ch, Mai Thị Kim Tr trình bày:

Năm 2005, ông bà mua 123 m^2 đất vườn thuộc thửa đất 706, tờ bản đồ số 3 tại khu vực Hòa N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Kh. Giá chuyển nhượng 50.000.000 đồng, thời điểm giao tiền có 02 người là Nguyễn Ngọc Kh (H5) và Nguyễn Ngọc C. Thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành theo đúng quy định pháp luật, ông bà đã chuyển mục đích 73 m^2 đất vườn sang đất ở và đã được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số H03877/QSDĐ/I13 ngày 20/7/2005. Thửa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi mua đến nay. Phần đất ông bà đã mua hoàn toàn hợp pháp, thuộc quyền sử dụng của ông bà.

- Bà Cù Thị H2 trình bày:

Ngày 30/10/1997, vợ chồng cụ Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B cùng con trai trưởng là Nguyễn Văn Th (nay đổi tên là Nguyễn Văn T) đã bán cho bà (do cha bà là Cù Hoa Ch1 đại diện) một phần đất vườn phía Nam thửa 706, tờ bản đồ số 3 tại Hòa N, Nhơn H, có chiều rộng 06 m. Việc chuyển nhượng có viết giấy tay. Năm 1999, bà xây nhà cấp 4 trên phần diện tích đất mua. Thời điểm bà xây nhà, gia đình cụ M không có ai tranh chấp. Bà xác định phần đất bà đã mua của vợ chồng cụ M là thuộc quyền sử dụng của bà.

- Bà Đào Thị N trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Ngọc Kh. Vợ chồng bà kết hôn năm 1995 và ở chung với cha mẹ chồng tại nhà cha mẹ chồng. Vợ chồng bà có tu bổ, sửa chữa nhà như: sửa mái ngói nhà trước, xây mới nhà bếp và 01 phòng ở sau. Nếu Tòa phân chia di sản thừa kế của cha mẹ chồng thì thanh toán lại giá trị phần vợ chồng bà tu bổ sửa chữa.

- Anh Nguyễn Quốc Ph và anh Nguyễn Quốc H thống nhất trình bày:

Các anh là con của ông Nguyễn Văn T. Sau khi mẹ các anh sinh anh Nguyễn Quốc H được vài tháng thì mẹ bỏ đi, cha lấy vợ khác nên ông bà nội đã nuôi dưỡng hai anh em từ nhỏ đến khi trưởng thành. Năm 1993, hai anh được cấp quyền sử dụng đất trong hộ gia đình của ông bà nội nên hai anh yêu cầu chia quyền sử dụng đất thuộc thửa 706, tờ bản đồ số 3. Phần diện tích đất ruộng cấp theo nhân khẩu gia đình đã tự phân chia.

Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xử:

1. Xác định ngôi nhà chính cấp loại N8, N9 diện tích 66,4m^2 do vợ chồng cụ Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B xây dựng trên thửa đất có số hiệu 706, tờ bản đồ số 3, diện tích 146,3 m^2 đất ở và 33,2 m^2 đất trồng cây hàng năm (địa chỉ 107 Trường T, khu vực Hòa N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định) và số tiền đền bù thu hồi đất 70.290.520 đồng là di sản chưa chia được phân chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Ngọc Kh, Nguyễn Ngọc D.

2. Bác lời khai của ông Nguyễn Ngọc Kh khai rằng cha mẹ đã lập di chúc cho nhà - đất cho ông vì không có chứng cứ chứng minh.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Văn T (đã ủy quyền cho Nguyễn Ngọc D), ông Nguyễn Ngọc C không tranh chấp ngôi nhà của vợ chồng cụ Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B, giao cho ông Nguyễn Ngọc Kh sở hữu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện giao kỷ phần được hưởng từ di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H cho ông Nguyễn Ngọc Kh sở hữu, sử dụng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần được hưởng từ di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Ngọc D cho hai anh Nguyễn Quốc Ph, Nguyễn Quốc H sở hữu, sử dụng chung.

6. Giao cho ông Nguyễn Ngọc Kh sở hữu ngôi nhà của vợ chồng Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B có diện tích 66,4 m^2 và sử dụng phần diện tích đất 109,9 m^2 (gồm 76,7 m^2 đất ở, 33,2 m^2 đất trồng cây hàng năm) có 63,7 m^2 nằm trong hành lang an toàn giao thông thuộc thửa 706 có giới cận: Đông giáp thửa 711; Tây giáp đường Trường T; Nam giáp nhà và đất chuyển nhượng cho bà Cù Thị H2; Bắc giáp phần đất chia cho hai anh Nguyễn Quốc Ph, Nguyễn Quốc H (ký hiệu B).

7. Giao cho hai anh Nguyễn Quốc Ph, Nguyễn Quốc H sử dụng chung phần diện tích đất ở 69,6 m^2 có 38,7 m^2 nằm trong hành lang an toàn giao thông thuộc thửa 706 có giới cận: Đông giáp thửa 711; Tây giáp đường Trường T; Nam giáp nhà và đất chia cho ông Nguyễn Ngọc Kh; Bắc giáp phần đất chuyển nhượng cho vợ chồng Bùi Phúc Ch, Mai Thị Kim Tr (ký hiệu A).

(Có sơ đồ phân chia kèm theo)

8. Buộc ông Nguyễn Ngọc Kh có nghĩa vụ chia cho hai anh Nguyễn Quốc Ph, Nguyễn Quốc H 42.174.312 đồng tiền đền bù giải tỏa thu hồi đất.

9. Buộc hai anh Nguyễn Quốc Ph, Nguyễn Quốc H thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Kh giá trị chuồng bò 7.425.600 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/10/2021, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Kh kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Tòa án chưa xem xét nội dung bản di chúc của cha

ông là Nguyễn Ngọc M; chưa đo đạc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 03 trước khi chuyển nhượng cho ông Bùi Phúc Ch và bà Cù Thị H; Tòa án sơ thẩm xác định trên thửa đất số 706 có chuồng bò của ông và buộc anh Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Quốc H thanh toán giá trị chuồng bò cho ông 7.425.600 đồng là không đúng vì ngoài chuồng bà ra thì trên đất còn có chuồng heo và nhà rơm; không xem xét công quản lý bảo quản di sản và công bồi trúc đất cho ông; thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 1993, hộ gia đình ông có 07 nhân khẩu gồm: Nguyễn Ngọc Kh, vợ trước của ông là Phạm Thị Tr1 (không có bà Đào Thị N vì sau khi bà Tr1 chết năm 1995, ông mới kết hôn với bà N vào năm 1997), Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B (cha mẹ ông), Nguyễn Thị Bích H4 (con), Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Quốc H (cháu); trong số tiền nhà nước đền bù thu hồi đất có tài sản riêng của ông nhưng tòa án không trừ ra cho ông mà đem chia cho các thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Kh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguồn gốc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 3, diện tích 484 m^2 tại khu vực Hòa N, phường Nhơn H, thị xã A, tỉnh Bình Định là của vợ chồng cụ Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B được thừa hưởng từ ông bà. Theo xác nhận của UBND phường Nhơn H, thị xã A tại Công văn số 32/UBND ngày 05/4/2021: năm 1993 cụ M kê khai đăng ký, sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ số 2, diện tích 434 m^2. Năm 1993, ông Nguyễn Ngọc H5 (Kh) kê khai đăng ký sử dụng thửa đất số 706 (được chỉnh lý theo Bản đồ năm 1993 từ thửa 332), tờ bản đồ số 3, diện tích 484 m^2. Ngày 20/12/1993, ông Kh được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp GCNQSDĐ. Mặc dù GCNQSDĐ chỉ ghi tên một mình ông Kh nhưng các bên đương sự đều công nhận đây là đất được cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Theo xác nhận của UBND phường Nhơn H, thời điểm giao quyền sử dụng đất, hộ ông Kh có 05 nhân khẩu gồm: cụ Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B, ông Kh, anh Nguyễn Quốc Ph và anh Nguyễn Quốc H3 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định như sau: diện tích tại thời điểm cấp GCNQSDĐ 484 m2 (gồm 200 m2 đất ở là của vợ chồng cụ M, cụ B; 284 m^2 đất trồng cây lâu năm được cấp cho cụ M, cụ B, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Kh, anh Nguyễn Quốc Ph và anh Nguyễn Quốc H. Như vậy, tại thời điểm cân đối giao quyền những người trong hộ trong đó có vợ của ông Khương. Còn theo ông Kh, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 1993, hộ gia đình ông có 07 nhân khẩu gồm: Nguyễn Ngọc Kh, vợ trước của ông là Phạm Thị Tr1 (bà Tr1 chết năm 1995, đến năm 1997 ông mới kết hôn với bà Đào Thị N), Nguyễn Ngọc M, Hồ Thị B (cha mẹ ông), Nguyễn Thị Bích H4 (con), Nguyễn Quốc Ph và Nguyễn Quốc H (cháu). Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ thời điểm cấp đất, bà Phạm Thị Tr1 (vợ trước của ông Kh) và chị Nguyễn Thị Bích H4 (con chung của ông Kh và bà Tr1) có được cấp đất không để đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ

án. Do bà Tr1 chết năm 1995 nên trường hợp bà Tr1 được cấp đất phải đưa những người trong hàng thừa kế của bà Tr1 tham gia tố tụng.

[2] Về di sản của vợ chồng cụ M: Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ M và cụ B là đất ở và tiền đền bù thu hồi đất 70.290.520 đồng là chưa chính xác bởi lẽ theo Bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Đường từ cầu Trường T đi Quốc lộ 19 cho hộ ông Kh thì đất ở diện tích 53,7 m2 được bồi thường là 64.440.000 đồng, số tiền còn lại 3.850.520 đồng là bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất như miếu thờ, cổng ngõ, cây me, cây ô mai mà theo ông Kh đây là tài sản của gia đình ông nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét trừ ra là không đảm bảo quyền lợi của gia đình ông Kh.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc Kh khai ngày 12/4/2001, cụ Nguyễn Ngọc M lập Bản di chúc giao lại ngôi nhà, tài sản còn lại trong nhà và số ruộng phần của vợ chồng cụ M cho ông Kh, có các con là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Ngọc Kh ký nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ di chúc nêu trên của cụ M có hợp pháp hay không.

[4] Ông Nguyễn Ngọc Kh sống cùng cha mẹ là vợ chồng cụ M tại thửa đất số 706, tờ bản đồ số 3 (số 107 Trường T, phường Nhơn H, thị xã A). Theo ông Kh, quá trình sử dụng đất ông đã thuê xe đổ đất đá nâng nền vì phần đất trống trước đây bị trũng sâu gần 01 mét so với mặt đường. Những người làm chứng như ông Huỳnh Văn M1, anh Lê Văn H6, ông Huỳnh Ngọc B1, ông Lê Văn L đều xác nhận việc ông Kh thuê xe đổ đất để cải tạo mặt bằng thửa đất số 706 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

Theo Án lệ số 05/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, ông Kh đã có công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo di sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho ông Kh.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được vì vậy phải hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghi quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Ngọc Kh không phải chịu.

[7] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc Kh phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Kh; hủy bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Hủy bản án sơ thẩm.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Kh không phải chịu. Hoàn lại cho ông Kh 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0004928 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh